

Số: 55/QĐ-UBND

Hà Giang, ngày 26 tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, bị bãi bỏ Lĩnh vực Người có công và Lĩnh vực Việc làm của Ngành Lao động - Thương binh và Xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh Hà Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019);

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ); Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ); Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện TTHC trên môi trường điện tử;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ về Hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 108/QĐ-LĐTBXH ngày 15 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bãi bỏ về lĩnh vực người có công thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Quyết định số 257/QĐ-LĐTBXH ngày 28 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc thực hiện chính sách hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, bị bãi bỏ Lĩnh vực Người có công và Lĩnh vực Việc làm của Ngành

Lao động - Thương binh và Xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh Hà Giang (có danh mục và nội dung thủ tục hành chính kèm theo).

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ Lao động - TBXH;
- Cục KSTTHC - Văn phòng Chính phủ;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Lưu: VT, PVHCC



CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Sơn

Phần I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, BỊ BÃI BỎ LĨNH VỰC
NGƯỜI CÓ CÔNG VÀ LĨNH VỰC VIỆC LÀM CỦA NGÀNH LAO ĐỘNG -
TBXH ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ GIANG

(Kèm theo Quyết định số 5520Đ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Chủ tịch
UBND tỉnh Hà Giang)

1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính
A. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Trung ương		
I. Lĩnh vực Người có công		
1	1.010772	Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công”
2	1.010773	Tổ chức phát động học tập tấm gương trong phạm vi cả nước đối với trường hợp hy sinh, bị thương quy định tại điểm k khoản 1 Điều 14 và điểm k khoản 1 Điều 23 Pháp lệnh
3	1.010774	Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” đối với người hy sinh nhưng chưa được cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” mà thân nhân đã được giải quyết chế độ ưu đãi từ ngày 31 tháng 12 năm 1994 trở về trước
4	1.010775	Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” đối với người hy sinh thuộc các trường hợp quy định tại Điều 14 Pháp lệnh nhưng chưa được cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” mà thân nhân đã được giải quyết chế độ ưu đãi từ ngày 01 tháng 01 năm 1995 đến ngày 30 tháng 9 năm 2006
5	1.010777	Cấp đổi Bằng “Tổ quốc ghi công”
6	1.010778	Cấp lại Bằng “Tổ quốc ghi công”
7	1.010780	Khám giám định lại tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với thương binh không công tác trong quân đội, công an, người hưởng chính sách như thương binh có vết thương đặc biệt tái phát và điều chỉnh chế độ
8	1.010781	Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” đối với người hy sinh hoặc mất tích trong chiến tranh
9	1.010783	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý
10	1.010785	Đưa người có công đang được nuôi dưỡng tại cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý về nuôi dưỡng tại gia đình
11	1.010787	Lập sổ theo dõi, cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang được nuôi dưỡng tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý

12	1.010788	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng
13	1.010790	Khám giám định phúc quyết của đối tượng hoặc người đại diện hợp pháp của đối tượng
14	1.010792	Khám giám định phúc quyết lần cuối của đối tượng hoặc người đại diện hợp pháp của đối tượng
15	1.010793	Cấp trích lục hoặc sao hồ sơ người có công
16	1.010794	Cấp giấy xác nhận thông tin về nơi liệt sĩ hy sinh
17	1.010795	Xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin bằng phương pháp thực chứng
18	1.010796	Lấy mẫu để giám định ADN xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin
B. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Hà Giang		
I. Lĩnh vực Người có công		
1	1.010801	Giải quyết chế độ trợ cấp ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ
2	1.010802	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác
3	1.010803	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ
4	1.010804	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”
5	1.010805	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an
6	1.010806	Công nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh
7	1.010807	Khám giám định lại tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với trường hợp còn sót vết thương, còn sót mảnh kim khí hoặc có tỷ lệ tổn thương cơ thể tạm thời hoặc khám giám định bổ sung vết thương và điều chỉnh chế độ đối với trường hợp không tại ngũ, công tác trong quân đội, công an
8	1.010808	Giải quyết hưởng thêm một chế độ trợ cấp đối với thương binh đồng thời là bệnh binh
9	1.010809	Giải quyết chế độ đối với thương binh đang hưởng chế độ mất sức lao động
10	1.010810	Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an
11	1.010811	Lập sổ theo dõi, cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý

12	1.010812	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý
13	1.010813	Đưa người có công đối với trường hợp đang được nuôi dưỡng tại cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý về nuôi dưỡng tại gia đình
14	1.010814	Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ
15	1.010815	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng
16	1.010816	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học
17	1.010817	Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học
18	1.010818	Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày
19	1.010819	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế
20	1.010820	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng
21	1.010821	Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân
22	1.010822	Giải quyết phụ cấp đặc biệt hằng tháng đối với thương binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên, bệnh binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên
23	1.010823	Hưởng lại chế độ ưu đãi
24	1.010824	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần
25	1.010825	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ
26	1.010826	Sửa đổi, bổ sung thông tin cá nhân trong hồ sơ người có công
27	1.010827	Di chuyển hồ sơ khi người hưởng trợ cấp ưu đãi thay đổi nơi thường trú
28	1.010828	Cấp trích lục hoặc sao hồ sơ người có công với cách mạng
29	1.010829	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ
30	1.010830	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng ngoài nghĩa trang liệt sĩ về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ

31	1.010831	Cấp giấy xác nhận thông tin về nơi liệt sĩ hy sinh
II. Lĩnh vực: Việc làm		
1	3.000204	Hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động đang làm việc trong doanh nghiệp
2	3.000205	Hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động quay trở lại thị trường lao động
C. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện		
I. Lĩnh vực Người có công		
1	1.010832	Thăm viếng mộ liệt sĩ
D. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã		
I. Lĩnh vực Người có công		
1	1.010833	Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công

2. Danh mục thủ tục hành chính bãi bỏ

STT	Mã TTHC gốc	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ, huỷ bỏ thủ tục hành chính
A	Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Trung ương		
I	Lĩnh vực: Người có công		
1	2.000697	Xác nhận liệt sĩ	Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng
2	1.002124	Giải quyết chế độ đối với người hoạt động cách mạng trước ngày 01/01/1945	
3	1.002197	Giải quyết chế độ đối với người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến trước ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945	
4	1.002183	Xác nhận liệt sĩ đối với người thuộc lực lượng quân đội, công an hy sinh trong chiến tranh từ ngày 31/12/1991 trở về trước không còn giấy tờ	
5	2.000940	Xác nhận liệt sĩ đối với người không thuộc lực lượng quân đội, công an hy sinh trong chiến tranh từ ngày 31/12/1991 trở về trước không còn giấy tờ	
6	1.002143	Đổi hoặc cấp lại Bằng Tổ quốc ghi công	
7	2.001956	Cấp bằng "Tổ quốc ghi công" đối với những trường hợp thân nhân liệt sĩ đã được giải	

STT	Mã TTHC gốc	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ, huỷ bỏ thủ tục hành chính
		quyết chế độ ưu đãi trước ngày 01 tháng 01 năm 1995 nhưng chưa được cấp Bằng	
B	Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Hà Giang		
I	Lĩnh vực: Người có công		
1	2.000978	Giải quyết chế độ đối với thương binh đồng thời là người hưởng chế độ mất sức lao động	Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng
2	1.002252	Hưởng mai táng phí, trợ cấp một lần khi người có công với cách mạng từ trần	
3	1.002271	Giải quyết trợ cấp tiền tuất hàng tháng cho thân nhân khi người có công với cách mạng từ trần	
4	1.004967	Hưởng lại chế độ ưu đãi đối với người có công hoặc thân nhân trong các trường hợp: - Bị tạm đình chỉ chế độ do bị kết án tù đã chấp hành xong hình phạt tù; - Bị tạm đình chỉ do xuất cảnh trái phép nay trở về nước cư trú; - Đã đi khỏi địa phương nhưng không làm thủ tục di chuyển hồ sơ nay quay lại đề nghị tiếp tục hưởng chế độ; - Bị tạm đình chỉ chế độ chờ xác minh của cơ quan điều tra.	
5	1.002305	Giải quyết chế độ đối với thân nhân liệt sĩ	
6	1.002354	Giải quyết chế độ trợ cấp đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ đi lấy chồng hoặc vợ khác	
7	1.002363	Giải quyết chế độ đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến	
8	1.002377	Giải quyết chế độ đối với thương binh, người hưởng chính sách như thương binh	
9	1.002382	Giám định vết thương còn sót	
10	1.002393	Giải quyết chế độ đối với thương binh đồng thời là bệnh binh	
11	1.002410	Giải quyết hưởng chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	



STT	Mã TTHC gốc	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ, huỷ bỏ thủ tục hành chính
12	1.003351	Giải quyết hưởng chế độ ưu đãi đối với con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng
13	1.002429	Giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng hoặc hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày	
14	1.002440	Giải quyết chế độ người HĐKC giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	
15	1.003423	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng	
5	1.002449	Sửa đổi thông tin cá nhân trong hồ sơ người có công	
17	1.002487	Di chuyển hồ sơ người có công với cách mạng	
18	1.006779	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	
19	1.002519	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Bà mẹ Việt Nam anh hùng	
20	1.002720	Giám định lại thương tật do vết thương cũ tái phát và điều chỉnh chế độ	
21	1.002741	Xác nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh đối với người bị thương không thuộc lực lượng công an, quân đội trong chiến tranh từ ngày 31/12/1991 trở về trước không còn giấy tờ	
22	1.002745	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ	
23	1.003025	Đính chính thông tin trên bia mộ liệt sĩ	
24	1.003042	Lập Sổ theo dõi và cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình	
25	1.003057	Thực hiện chế độ ưu đãi trong giáo dục đào tạo đối với người có công với cách mạng và con của họ	
26	1.003159	Hỗ trợ, di chuyển hài cốt liệt sĩ	
III	Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp		

STT	Mã TTHC gốc	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ, huỷ bỏ thủ tục hành chính
	huyện		
1	2.001375	Cấp giấy giới thiệu đi thăm viếng mộ liệt sĩ và hỗ trợ thăm viếng mộ liệt sĩ	Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng
2	2.001378	Hỗ trợ người có công đi làm phương tiện, dụng cụ trợ giúp chỉnh hình; đi điều trị phục hồi chức năng	
IV	Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã		
1	2.001382	Xác nhận vào đơn đề nghị di chuyển hài cốt liệt sĩ; đơn đề nghị thăm viếng mộ liệt sĩ	Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng
2	1.003337	Ủy quyền hưởng trợ cấp, phụ cấp ưu đãi	